

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
Quý 04 năm 2008

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

Đơn vị tính: VND			
STT	Nội dung	Số dư đầu năm	Số dư cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	252,449,806,429	340,912,814,247
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	57,036,038,449	6,708,816,060
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	118,537,519,628	255,922,364,776
4	Hàng tồn kho	74,440,896,105	74,817,766,709
5	Tài sản ngắn hạn khác	2,435,352,247	3,463,866,702
II	Tài sản dài hạn	178,735,163,052	161,123,909,666
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	122,309,907,153	123,351,369,456
	- Tài sản cố định hữu hình	33,933,018,742	37,915,161,378
	- Tài sản cố định vô hình	66,774,206,270	66,520,302,445
	- Tài sản cố định thuê tài chính	21,602,682,141	18,873,405,633
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		42,500,000
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	52,850,776,000	31,536,016,000
5	Tài sản dài hạn khác	3,574,479,899	6,236,524,210
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	431,184,969,481	502,036,723,913
IV	Nợ phải trả	184,051,660,813	231,226,946,919
1	Nợ ngắn hạn	145,024,620,204	179,879,669,633
2	Nợ dài hạn	39,027,040,609	51,347,277,286
V	Vốn chủ sở hữu	247,133,308,668	270,809,776,994
1	Vốn chủ sở hữu	247,032,243,511	270,445,050,936
	- Vốn đầu tư chủ sở hữu	194,993,420,000	214,491,910,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	20,405,115,000	20,405,115,000
	- Cổ phiếu quỹ		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch đánh tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	6,272,984,023	5,839,242,233
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22,393,117,502	26,741,176,717
	- Nguồn vốn khác của chủ sở hữu	2,967,606,986	2,967,606,986
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	101,065,157	364,726,058
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	101,065,157	364,726,058
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	431,184,969,481	502,036,723,913

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH:

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	156,064,644,803	555,480,502,460
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	72,732,447	395,258,352
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	155,991,912,356	555,085,244,108
4	Giá vốn hàng bán	140,059,991,917	492,323,354,935
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15,931,920,439	62,761,889,173
6	Doanh thu hoạt động tài chính	10,095,970,764	20,986,460,824
7	Chi phí tài chính	11,938,673,526	35,323,783,250
8	Chi phí bán hàng	1,418,522,511	5,440,609,966
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3,971,735,737	14,622,226,190
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	8,698,959,429	28,361,730,591
11	Thu nhập khác	2,470,999,610	3,036,623,872
12	Chi phí khác	16,370,519	352,232,711
13	Lợi nhuận khác	2,454,629,091	2,684,391,161
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11,153,588,520	31,046,121,752
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,578,858,475	4,314,985,887
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9,574,730,045	26,731,135,865
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

Ngày 20 tháng 01 năm 2009

Tổng Giám đốc